

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/02/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	21	0		21	0	
2		CTK3+BK6+BK10	7:25	18+0+0	0+0+0		16+1+5	0+0+0	
3		BK19+P6+AMD	9:25	0+0+12	0+0+0		4+0+18	0+0+0	chuyen 4-bk19-p6
4		PPD+BK16+GTC1	9:25	11+5+5	0+0+0		11+6+5	0+0+0	
5		PPD+AMD	11:25	12+3	0+0		11+10	0+0	
6		TD2+CTK3+TTC1	11:25	5+9+0	0+0+0		1+13+7	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD2	CREW: CHIẾN - Sơn - DTùng	ETA: 09:20
XANH-I			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THO DUONG	TD2	18-20	3	17	100	61	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN MINH HAI	TD2	01	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
3	VU NGOC HOAN	TD2	98	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN XUAN	TD2	22	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
5	LE VINH THUAT	TD2	21	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DUY KIEN	TD2	99	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
7	LE VAN NAM	TD2					78	KHOAN	Vietnamese
8	NOROV DENIS	TD2	08	1	20		85	KHOAN	Russian
9	HOANG VIET LINH	TD2	17	1	6		102	KHOAN	Vietnamese
10	DO XUAN VANG	TD2	14	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN TU	TD2	15	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
12	DINH TIEN HUU	TD2	04	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
13	VU VAN THUY	TD2	23	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN CONG HIEN	TD2	16	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
15	LE HUYNH TRUNG	TD2	03	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
16	MAI THE HIEN	TD2	02	1	13		87	KHOAN	Vietnamese
17	LUU DINH MINH	TD2	05-06	2	20	10	78	KHOAN	Vietnamese
18	DUONG QUOC VIET	TD2	12	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
19	DINH QUANG CHIEN	TD2	13	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
20	VU DINH THU	TD2	09-11	3	17		66	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	20	24	182	1.509	110	21		
TOTAL		20	24	182	1.509	110	21		
WEIGHT KG				182	1.509	110			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2024	TO: CTK3 - BK6 - BK10	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: XHOÀN - MTHAO - Thành	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	07	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM THANH HAI	CTK3	18-19	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC HIEU	CTK3	09	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ANH ĐỨC	CTK3	02	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ TRỌNG TUAN	CTK3	08	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HIEU	CTK3	05	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3	21-22	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3					78	YTE	Vietnamese
9	TRẦN VĂN CHUÔNG	CTK3	15	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN DUY LONG	CTK3	12-13	2	13		58	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	03-04	2	10	38	69	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	77	1	3	15	76	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI CONG THANG	CTK3	06	1	16		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯỜNG QUỐC BAO	CTK3	79,01	2	6		59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO DINH THAM	CTK3	10	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
16	VÔ MẠU MÊN	CTK3	14-15	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
17	LE ĐĂNG MINH ĐỨC	CTK3	16-17	2	13		91	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM BA HOANG	CTK3	11	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	18	24	146	1.283	53	16		
2	BK6	0	0	0	0	0	1		
3	BK10	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		18	24	146	1.283	53	22		
WEIGHT KG				146	1.283	53			

GRAND TOAL: 1.482 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Signature of VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: BK19 - P6 - AMD	CREW: CHIẾN - Sơn - DTùng	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HIY TAC SANG	AMD	38-39	2	15	120	73	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN BINH PHUONG	AMD	36-37	2	11		75	TLJOC	Vietnamese
3	DO DUC THIEN	AMD	42	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
4	DAO MINH TUAN	AMD	32-33	2	12		90	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG CONG TAN	AMD	34-35	2	18		71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THIEN	AMD	40	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN VINH	AMD	26	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN LE DUY LE	AMD	23	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG DINH VINH	AMD	27-28	2	15	10	67	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG PHAT	AMD	30-31	2	17		74	KH-THAC	Vietnamese
11	LE THANH TUNG	AMD	41	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN DAN	AMD	24-25	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK19	0	0	0	0	0	4	0	CHUYEN 4 PAX BK19-P6
2	P6	0	0	0	0	0	0	0	
3	AMD	12	19	141	853	130	18		
TOTAL		12	19	141	853	130	22		
WEIGHT KG				141	853	130			

GRAND TOAL: 1.124 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2024	TO: PPD - BK16 - GTCI	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: XHOÀN - MTHAO - Thành	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU ĐỨC HOANG	PPD	62	1	7		70	KHI	Vietnamese
2	ĐO THANH HÙNG	PPD	68-69	2	14		68	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	PPD	70	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH QUANG	PPD	61	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	66-67	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC DU	PPD	65	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD	73-74	2	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	64	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD	71	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
10	TUÔNG ANH CẠC	PPD	63	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TÂN	PPD	72	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯU VĂN SƠN	BK16	57	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LIEU	BK16	56	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HIỆU TRUNG	BK16	54	1	5	25	81	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN HÀ	BK16	55	1	15		74	KH-THAC	Vietnamese
16	VU ĐÌNH CHIÊN	BK16	53	1	3		72	PSV	Vietnamese
17	HOÀNG XUÂN HIỆU	GTCI	70-71	2	8	13	65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU TÂN	GTCI	65	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG MINH	GTCI	68	1	9		92	KH-THAC	Vietnamese
20	DẠNG TRẦN KHANH	GTCI	66-67	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LE QUANG HÀ	GTCI	69	1	5		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	11	14	66	788	0	11		
2	BK16	5	5	33	376	25	6		
3	GTCI	5	7	45	386	13	5		
TOTAL		21	26	144	1.550	38	22		
WEIGHT KG				144	1.550	38			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2024	TO: PPD - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Linh - XTrưởng - THỤ	ETA: 14:05
CAM-3			

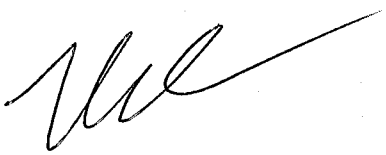
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MINH HAI	PPD	45	1	5	6	80	KH-THAC	Vietnamese
2	LUU VIET DUNG	PPD	90	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
3	TO HIEN THANH	PPD	88	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN MANH	PPD	89	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG TUAN HUNG	PPD	44	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
6	K LY	PPD	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VAN THANG	PPD	87	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRUONG SON	PPD	76-77	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NHAN	PPD	91	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRUONG GIA TRI	PPD	92	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LY CHUYEN CHIEU	PPD	75	1	7		98	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THACH	PPD	47	1	6		57	PSV	Vietnamese
13	LE HONG THAI	AMD	51	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO QUANG HUAN	AMD	52-53	2	22		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN KHANH	AMD	50	1	5		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	12	13	67	852	6	11		
2	AMD	3	4	30	189	0	11		
TOTAL		15	17	97	1.041	6	22		
WEIGHT KG				97	1.041	6			

GRAND TOAL: 1.144 KGS

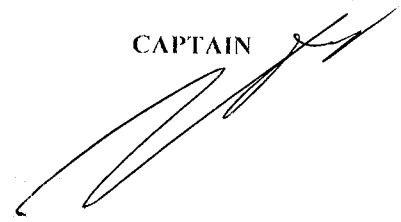
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/02/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+P1	7:25	21+0	0+0		16+6	0+0	
2		TD3+P1	7:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
3		RP1+TD5	7:25	22+0	0+0		19+3	0+0	
4		RP3+TD3	7:25	19+3	0+0		18+4	0+0	chuyen 1 rp3-td3
5		VSP02+TD2	9:25	18+4	0+0		18+4	0+0	
6		MRM+RC5+RC6	9:25	10+6+5	0+0+0		4+8+9	0+0+0	
7		RCDM+RP3	9:25	5+16	0+0		5+17	0+0	
8		MRM+RP1+RC4	9:25	13+2+6	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
9		VSP02+TD3+TD5	11:25	16+2+2	0+0+0		14+0+8	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày TD5-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/02/2024	TO: TD5 - P1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - Vũ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM XUÂN SƠN	TD5				60	70	ĐIỀU HẠNH	Vietnamese
2	NGUYỄN LÂM ANH	TD5					76	ĐIỀU HẠNH	Vietnamese
3	PHẠM VĂN QUY	TD5					69	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN DUY	TD5	70	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ ANH NGUYỄN	TD5	66	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	54	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH ĐỨC KIẾN	TD5	59	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
8	ĐOÀN CAO DANH	TD5	69	1	10	15	60	KHOAN	Vietnamese
9	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	58	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
10	LƯU THỊ ĐIỆN	TD5	56	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
11	ĐÀU TRỌNG HOÀNG	TD5	62	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH TUỆ	TD5	60-61	2	13		55	KHOAN	Vietnamese
13	TÔ THANH HÙNG	TD5	57	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN MINH CÔNG	TD5	65	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN CAO KHANH	TD5	55	1	9		66	KHOAN	Vietnamese
16	TRƯƠNG THUY BÌNH 97	TD5	51	1	13		68	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	63-64	2	10		82	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN VINH	TD5	52-53	2	9		70	PSV	Vietnamese
19	PHẠM VĂN KÝ	TD5	74	1	12	13	67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD5	75	1	15	8	85	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM TRẦN TUẤN AN	TD5	71	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	21	151	1.470	96	16		
2	P1	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		21	21	151	1.470	96	22		
WEIGHT KG				151	1.470	96			

GRAND TOTAL: 1.717 KGS

VSP REP.

VNII REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD3 - P1	CREW: TTrung - XTrường - Toan	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOROTKOV VICTOR	TD3	92	1	5		120	KHOAN	Russian
2	TRẦN CÔNG MINH	TD3	94	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC TUẤN	TD3	95	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN CÁNҺ THIAC	TD3	78	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU NHAN	TD3	96	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGO DUY THANH	TD3	79	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	VU TRỌNG NGHIA	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
8	PADKATILIN A.N	TD3	88	1	5		72	KHOAN	Russian
9	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD3	98	1	5	100	63	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN BIÊN	TD3	93	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC DŨNG	TD3	71-72	2	7		65	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẬU SY DIỆP	TD3	99	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	DEMIN YURIY	TD3	100	1	5		105	KHOAN	Russian
14	REMENNİKOV FEDOR	TD3	90	1	10		90	KHOAN	Russian
15	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	TD3	80	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	87	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	HOÀNG THIANH TỬ	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRONG HUỆ	TD3	91	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN TRỌNG TIEN	TD3	89	1	18		65	KHOAN	Vietnamese
20	LA THIANH	TD3	73	1	5	30	70	YTE	Vietnamese
21	NGUYỄN HÙNG QUÂN	TD3	81	1	10		70	D-HANH	Vietnamese
22	MAKAROV EVGENY	TD3	97	1	13		90	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	21	131	1.621	130	18		
2	P1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	21	131	1.621	130	22		
WEIGHT KG				131	1.621	130			

GRAND TOTAL: 1.882 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2024	TO: RPI - TD5	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Dương - ĐNam - NNam	ETA: 09:30
VANG-I			

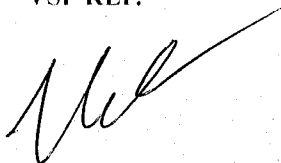
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY TÂM	RPI	54	1	3	15	57	KH-THAC	Vietnamese
2	LÀ VĂN TÔI	RPI	60	1	8		64	YTE	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG DUNG	RPI	45-46	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI NGOC LONG	RPI	63-64	2	16		79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN BAO TRUNG	RPI	56-57	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU TOAN	RPI	50	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
7	DINH VAN LIEN	RPI	55	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG THÔNG	RPI					71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ĐỨC NHAN	RPI	51	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TRI KHANH	RPI	68	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VĂN NĂNG	RPI	53	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ BA NẾP	RPI	65-66	2	15		63	KH-THAC	Vietnamese
13	PHUNG ĐẠI DƯƠNG	RPI	49	1	9		79	KH-THAC	Vietnamese
14	DUONG NHẬT THANH	RPI	52	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN TRỌNG HIẾU	RPI	62	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
16	TÀNG THANH DÂN	RPI	59	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRUNG TIN	RPI	44	1	10		95	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET HUNG	RPI	69	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
19	DẶNG TRỌNG GIAO	RPI	58	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ QUỐC THÔNG	RPI	47-48	2	16		79	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ VĂN THANH	RPI	67	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN DINH THAM	RPI	61	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RPI	22	26	164	1.586	15	19		
2	TD5	0	0	0	0	30	3		
TOTAL		22	26	164	1.586	45	22		
WEIGHT KG				164	1.586	45			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

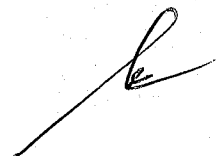
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	TO: RP3 - TD3	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông	ETA: 09:35
TRANG-1			

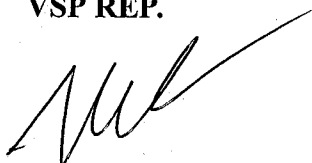
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUƠNG VĂN PHỒ	RP3	35	1	5	20	72	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN ANH ĐÔNG	RP3	38-39	2	7		77	KH-THAC	Vietnamese
3	VÔ TÂN CHÂU	RP3	43	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐO QUANG TỎ	RP3	33-34	2	7		66	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN SỸ ĐIẾP	RP3	46	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ CÔNG HÙNG	RP3	36	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG CÔNG THỊNH	RP3	49	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	50	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH HỒ	RP3	41	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	51	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
11	KHÔNG TIẾN DŨNG	RP3	48	1	7		75	KHI	Vietnamese
12	PHAN ANH KHANG	RP3	47	1	7		68	KHI	Vietnamese
13	PHẠM MINH TOÀN	RP3	44-45	2	12		56	YTE	Vietnamese
14	PHẠM QUỐC CHÈ	RP3	42	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÌNH QUANG THANH	RP3	37	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO ĐỨC THANH	RP3	40	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
17	KHARITONOV YURY	RP3	29	1	13		74	KHI	Russian
18	TRẦN QUỐC KIỆM	RP3	30	1	4		89	KH-THAC	Vietnamese
19	HA KHUÔNG DUY	RP3	31-32	2	17		64	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN VIỆT HỒ	TD3	24	1	15		75	DVL	Vietnamese
21	TRẦN VĂN DU	TD3	26	1	4		62	DVL	Vietnamese
22	TRẦN ĐẠI HÙNG	TD3	27	1	13	12	74	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

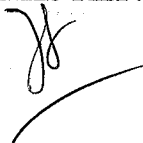
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	19	23	137	1.368	20	184		CHUYEN 01 PAX RP3-TD3
2	TD3	3	3	32	211	12	4		
TOTAL		22	26	169	1.579	32	22		
WEIGHT KG				169	1.579	32			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: VSP02 - TD2	CREW: <i>Chien</i> - HTrung - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN DU	VSP02	16-17	2	17		75	YTE	Vietnamese
2	DUCHENKO A.	VSP02	08	1	8		132	KH-THAC	Russian
3	DANG NGOC CUONG	VSP02	18	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	SERGIENKO S	VSP02	02	1	12		85	KH-THAC	Russian
5	NGUYEN XUAN GIANG	VSP02	11	1	5	12	70	KH-THAC	Vietnamese
6	DO TRUNG DUNG	VSP02	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN LE HOI	VSP02	20-21	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN XUAN KINH	VSP02	03-04	2	13		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THIENH THAO	VSP02	09	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	DO QUOC TRINH	VSP02	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM DUY QUANG	VSP02	05	1	19		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VIET NGOC	VSP02	01	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TUAN DUONG	VSP02	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	DUONG TRUNG VIET	VSP02					75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC QUANG	VSP02	10	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM TRONG TUAN	VSP02	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN QUYET	VSP02	06	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI XUAN TIEN	VSP02	12	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	HUYNH MINH SANG	TD2	41-42	2	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC TU	TD2	44	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	LUONG TUAN ANH	TD2	45	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TAT TAM	TD2	41	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	18	20	134	1.292	12	18		
2	TD2	4	5	20	277	0	4		
TOTAL		22	25	154	1.569	12	22		
WEIGHT KG				154	1.569	12			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2024	TO: MRM - RC5 - RC6	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: TTrung - XTrường - Toan	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIMAKOVSKII STANISLAV	MRM	34	1	7	20	92	AMNGR	Russian
2	KIMAKOVSKII MAKSIM	MRM	29	1	7		82	AMNGR	Russian
3	KONDRATIUK KIRILL	MRM	30	1	14		75	AMNGR	Russian
4	AZARENKOV KIRILL	MRM	22-23	2	10		93	AMNGR	Russian
5	MOROZOV ANDREI	MRM	24	1	7		100	AMNGR	Russian
6	BOGOMOLOV DANIIL	MRM	25	1	3		87	AMNGR	Russian
7	PIKULSKII TIMUR	MRM	27	1	3		105	AMNGR	Russian
8	GOLOVLEV NIKITA	MRM	32-33	2	12		105	AMNGR	Russian
9	SHCHETININ IVAN	MRM	26	1	4		78	AMNGR	Russian
10	LOGANOV VITALII	MRM	31	1	8		90	AMNGR	Russian
11	CAO THANH HỢP	RC5	74	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI QUỐC VIỆT	RC5					80	KH-THAC	Vietnamese
13	VÕ HUY HOÀNG	RC5	76	1	18		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ TIẾN DŨNG	RC5	73	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN HUY	RC5	72	1	15		87	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ ĐÌNH LỘC	RC5	75	1	7		84	PSV	Vietnamese
17	VŨ QUANG TUYẾN	RC6	58	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HẠN	RC6	59	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
19	CHU TIẾN BÌNH	RC6	43	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LÃ	RC6	57	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	KIEU MINH QUYẾT	RC6	56	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	10	12	75	907	20	4		
2	RC5	6	5	53	469	0	8		
3	RC6	5	5	29	343	0	9		
TOTAL		21	22	157	1.719	20	21		
WEIGHT KG				157	1.719	20			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:57
FLIGHT: 7	TO: RCDM - RP3	CREW: Dương - ĐNam - NNam	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG HUU SON	RCDM	93	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN BUI NAM	RCDM	95	1	4	20	95	KH-THAC	Vietnamese
3	TU TUAN TU	RCDM	97	1	8		88	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH MINH TRI	RCDM	94	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
5	HO TRONG BANG	RCDM	96	1	7		73	PSV	Vietnamese
6	ĐANG HAI HA	RP3	20	1	7	35	78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN CONG SOAI	RP3	10-11	2	10	10	70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VIET HUNG	RP3	6	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH TUNG	RP3	27	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN NAM TRUNG	RP3	27	1	13		58	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH TAN NGON	RP3	07	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU MAU	RP3	08-09	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
13	VÔ THANH LAM	RP3	22	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	31	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN HOÀNG	RP3	25	1	9		90	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN QUY HAI	RP3	21	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
17	VU QUANG HUNG	RP3	30	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH BINH	RP3	32	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HAI ĐANG	RP3	23-24	2	20		85	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN VIET HUNG	RP3	28-29	2	17		65	DVL	Vietnamese
21	PHẠM HUU MINH	RP3	28	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	5	5	30	379	20	5		
2	RP3	16	20	146	1.128	45	17		
TOTAL		21	25	176	1.507	65	22		
WEIGHT KG				176	1.507	65			

GRAND TOAL: 1.738 KGS + 10kg

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2024	TO: MRM - RP1 - RC4	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:58
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông	ETA: 11:55
TRANG-2			

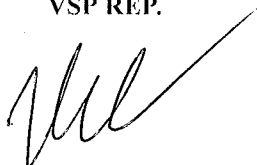
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZHIGALO ALEKSANDR	MRM	14	1	7		88	AMNGR	Russian
2	KRIVOSHEEV MAKSIM	MRM	11	1	6		92	AMNGR	Russian
3	KUZNETSOV DENIS	MRM	13	1	8		78	AMNGR	Russian
4	RULEV SEMEN	MRM	15	1	14		111	AMNGR	Russian
5	ZHESTKOV IGOR	MRM	12	1	13		116	AMNGR	Russian
6	NGUYEN NAM HAI	MRM	10	1	4		70	CNTT	Vietnamese
7	PHAN THANH SƠN	MRM	09	1	14		76	CNTT	Vietnamese
8	BUI ANH TÚ	MRM	04-05	2	16		68	KHOAN	Vietnamese
9	MAI ĐẠI HAI	MRM	07	1	10	16	67	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ NGUYỄN THANH MINH	MRM	06	1	9	39	75	KHOAN	Vietnamese
11	LƯƠNG NGỌC HOÀNG	MRM	20	1	7		73	DVL	Vietnamese
12	PHAN NGỌC TIẾN	MRM	03	1	10		62	DVL	Vietnamese
13	ĐO TRỌNG HIỀN	MRM	01-02	2	16		70	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN QUỐC THUẬN	RP1	01	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ĐÌNH ĐẠI	RP1	100	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN MINH THỊ	RC4	07	1	9		113	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ VĂN ĐỒNG	RC4	03-04	2	11		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH SƠN	RC4	72-73	2	11		71	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG TRUNG HIỆU	RC4	05-06	2	19		71	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ QUY TOÀN	RC4	01-02	2	19		59	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN CAO MONG	RC4	400	1	10		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	13	15	134	1.046	55	0		
2	RP1	2	2	15	137	0	4		
3	RC4	6	10	79	439	0	18		
TOTAL		21	27	228	1.622	55	22		
WEIGHT KG				228	1.622	55			

GRAND TOAL: 1.905 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2024	TO: VSP02 - TD3 - TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: CHIÊN - N.Cường - HIẾU	ETA: 14:00
VANG-3			

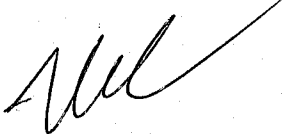
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU THAI SON	VSP02	28	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	HA MANH THANG	VSP02	29	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI HUY BINH	VSP02	33-35	3	14		79	KH-THAC	Vietnamese
4	TO VAN HUNG	VSP02	32	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH DUONG	VSP02	25	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VO TAN LINH	VSP02	26	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM HUU TRI	VSP02	22	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN DAT	VSP02	36-37	2	15		82	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN HUU KHANH	VSP02	27	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUC DUNG	VSP02	38	1	8		101	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH ANH BAO	VSP02	23	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
12	LUONG HOANG DAT	VSP02	24	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VIET QUANG	VSP02	39-40	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
14	LE MANH HUNG	VSP02	31	1	10		76	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TUAN	VSP02	30	1	5		78	PSV	Vietnamese
16	MAI VAN DUONG	TD3	23	1	16	15	80	DVL	Vietnamese
17	TELJANTS	TD3	22	1	9		92	D-HANH	Russian
18	NIKITIN NIKOLAI	TD5	30	1	8	21	91	ANTOAN	Russian
19	TRAN THAI AN	TD5	05	1	17	75	72	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	15	19	123	1.103	0	14		
2	TD3	2	2	25	172	15	0		
3	TD5	2	2	25	163	96	8		
TOTAL		19	23	173	1.438	111	22		
WEIGHT KG				173	1.438	111			

GRAND TOAL: 1.722 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

